TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN CANH** TỈNH BÌNH ĐỊNH Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST Ngày: 12-8-2020 V/v Ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cung

2. Bà Lê Thị Thu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn Ch, sinh năm 1982

Địa chỉ: T3, thị trấn S, huyện S, tỉnh K

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1977

Địa chỉ: X 5, thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2020, bản tự khai ngày 26/6/2020, trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Văn Ch trình bày:

Về hôn nhân: Anh Ch và chị L thông qua mai mối, quen biết và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh K vào ngày 07/11/2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do khi ly hôn với vợ trước, anh Ch có nhận nuôi dưỡng con chung. Khi về sống chung, chị L và con riêng của anh sống không hòa hợp nên vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau, từ ngày 17/7/2018 chị L

đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã C, huyện V, tỉnh B sống cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2020, biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 và ngày 27/7/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn Ch quen biết nhau thông qua sự mai mối, tự nguyện tìm hiểu rồi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S Thầy, huyện S, tỉnh K như anh Ch trình bày trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, anh Ch sống gia trưởng, không bao giờ chịu nghe chị góp ý. Mỗi khi chị bị đau, anh Ch cũng không quan tâm, không chăm sóc, không những vậy anh Ch còn đánh chị nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Ch được ly hôn, chị L chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh Ch phải tự thỏa thuận trước với chị về chia tài sản chung, trả công sức đóng góp cho chị rồi chị mới ký biên bản thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Ch và chị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh K vào năm 2017 nên hôn nhân giữa anh Ch và chị L là hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay và không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, anh Ch và chị L đều mong muốn được ly hôn nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Ch, chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Ch.

Về con chung: Anh Ch và chị L không có con chung

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí DSST: Anh Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang cư trú tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B, nên Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Ch và chị L tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh K đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Ch và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, kình cải nhau nguyên nhân là do hai bên quan biết nhau thông qua mai mối, chỉ tìm hiểu trong thời gian ngắn rồi đi đến kết hôn nên chưa hiểu hết tính cách của nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và không tôn trọng nhau. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng anh Ch, chị L đã sống ly thân, không còn gặp nhau, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng cả anh Ch và chị L đều không mong muốn quay về sống chung với nhau. Việc anh Ch và chị L không thuận tình ly hôn là do chị L đề nghị anh Ch chia tài sản, trả công sức đóng góp cho chị L trước khi ly hôn nhưng anh Ch không đồng ý nên chị L không chấp nhận ly hôn chứ không phải xuất phát từ việc chị L mong muốn tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình với anh Ch. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Ch và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ch.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh Ch, chị L không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Trong đơn khởi kiện anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tòa án đã thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết thời hạn luật định chị L không giao nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho tòa. Ngày 16/7/2020, chị L có đơn xin rút đơn yêu cầu chia tài sản chung vì lý do để chị L và anh Ch tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc chị L xin rút đơn yêu cầu chia tài sản chung là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị L. Nếu có tranh chấp về chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Anh Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Xét các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn Ch. Cho ly hôn giữa anh Trương Văn Ch và chị Nguyễn Thị Thu L.

2. Về con chung: Anh Ch, chị L không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về chia tài sản: Anh Ch và L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Anh Trương Văn Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh Ch đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006943 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận :
- VKSND H. Vân Canh;
- Chi Cục THADS H. Vân Canh
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Duy